

TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 16 tháng 03 năm 2026

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 33

Môn: Phần D.II. Kỹ năng lãnh đạo, quản lý

Ngày thi: 09/03/2026

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Nông Anh Ba	7.50	Bảy phẩy năm	41	Nông Quốc Huy	7.75	Bảy phẩy bảy năm
2	Lê Nam Bắc	8.00	Tám	42	Đàm Thu Lệ	7.75	Bảy phẩy bảy năm
3	Nông Đình Bằng	8.00	Tám	43	Nông Minh Liễu	8.00	Tám
4	Đàm Văn Bình	7.50	Bảy phẩy năm	44	Hoàng Diệu Linh	7.50	Bảy phẩy năm
5	Hoàng Hồng Chuyên	7.25	Bảy phẩy hai năm	45	Lăng Văn Long	8.00	Tám
6	Bế Ngọc Công	7.50	Bảy phẩy năm	46	Nông Văn Long		Thôi học
7	Đinh Văn Cường	8.00	Tám	47	Nông Đức Long	7.50	Bảy phẩy năm
8	Lương Thị Đào	7.50	Bảy phẩy năm	48	Nông Thị Mây	8.00	Tám
9	Bế Thanh Đạt	7.25	Bảy phẩy hai năm	49	Tô Linh Nam	7.50	Bảy phẩy năm
10	Đặng Xuân Định	7.25	Bảy phẩy hai năm	50	Đinh Thị Thanh Nga	7.75	Bảy phẩy bảy năm
11	Mã Văn Duệ	7.50	Bảy phẩy năm	51	Hà Văn Nghị	7.00	Bảy
12	Nông Thị Mỹ Dung	8.00	Tám	52	Trương Đại Nghĩa	8.00	Tám
13	Bạch Thái Dũng	7.00	Bảy	53	Hoàng Văn Nguyên	7.50	Bảy phẩy năm
14	Nguyễn Tiến Dũng	7.25	Bảy phẩy hai năm	54	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	8.00	Tám
15	Hà Ngọc Dương	8.00	Tám	55	Nông Thị Minh Nguyệt	8.00	Tám
16	Phạm Thị Giang	8.00	Tám	56	Bế Văn Nhân	8.00	Tám
17	Trần Nguyên Giáp	7.75	Bảy phẩy bảy năm	57	Nông Thị Hồng Nhung	7.25	Bảy phẩy hai năm
18	Ma Thị Hải	8.25	Tám phẩy hai năm	58	Dương Thanh Phong	8.00	Tám
19	Nông Ngọc Hải	7.50	Bảy phẩy năm	59	Hà Minh Quyết	7.50	Bảy phẩy năm
20	Đàm Thị Hành	8.00	Tám	60	Lâm Thị Quỳnh	8.00	Tám
21	Hoàng Quang Hậu	7.00	Bảy	61	Bàn Tồn Sao	7.50	Bảy phẩy năm
22	Vũ Thị Thu Hiền	8.00	Tám	62	Đinh Thị Hồng Sợi	7.75	Bảy phẩy bảy năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
23	Quốc Thị Thanh Hoa	7.50	Bảy phẩy năm	63	Nông Đức Tài	8.00	Tám
24	Nông Thị Hòa	7.50	Bảy phẩy năm	64	Nông Hồng Thắm	7.75	Bảy phẩy bảy năm
25	Lục Xuân Hòa	7.50	Bảy phẩy năm	65	Phan Văn Thành	7.50	Bảy phẩy năm
26	Thắm Đức Hoàng	7.00	Bảy	66	Phan Thiêm	7.75	Bảy phẩy bảy năm
27	Nông Duy Hoằng	7.50	Bảy phẩy năm	67	Lê Thị Xuân Thương	8.25	Tám phẩy hai năm
28	Hoàng Doãn Hoạt	8.00	Tám	68	Đàm Thị Thanh Thủy	8.00	Tám
29	Hoàng Văn Hội	7.50	Bảy phẩy năm	69	Lê Minh Thụy	7.75	Bảy phẩy bảy năm
30	Lê Thị Hồng	7.50	Bảy phẩy năm	70	Lương Thị Thu Trang	7.75	Bảy phẩy bảy năm
31	Hoàng Văn Huấn	8.00	Tám	71	Phan Minh Trang	8.25	Tám phẩy hai năm
32	Đinh Văn Hùng	7.50	Bảy phẩy năm	72	Nông Thu Trang	8.00	Tám
33	Trần Văn Hùng	8.00	Tám	73	Đinh Kiều Trinh	7.75	Bảy phẩy bảy năm
34	Bé Văn Hùng	7.75	Bảy phẩy bảy năm	74	Lê Kim Trường	8.00	Tám
35	Hoàng Việt Hưng	8.00	Tám	75	Hồ Anh Tuấn	8.00	Tám
36	Hoàng Quốc Hưng	7.50	Bảy phẩy năm	76	Hứa Thanh Tùng	8.00	Tám
37	Phan Tuấn Hưng	8.25	Tám phẩy hai năm	77	Nông Thanh Tuyên	7.50	Bảy phẩy năm
38	Nông Hồng Hương	7.50	Bảy phẩy năm	78	Đoàn Thị Tuyền	8.00	Tám
39	Trương Ngọc Hữu	7.50	Bảy phẩy năm	79	Đoàn Thanh Tuyền	8.00	Tám
40	Lý Văn Huy	7.75	Bảy phẩy bảy năm	80	Trịnh Thị Thanh Tuyền	8.00	Tám

GHI ĐIỂM



Nguyễn Thu Hằng

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Đoàn Thị Vân Thủy

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Hoàng Việt Hưng